TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-8-2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam
2. Ông Ngô Bá Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thư Linh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 213/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 128/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Mộng K**, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh B (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Trịnh Văn Minh T,** sinh năm 1996. Nơi cư trú: Ấp H, xã D, huyện N, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản khai chị Nguyễn Thị Mộng K trình bày:

Chị K và anh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã T, huyện C, tỉnh, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/12/2019. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã. Vợ

chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị K xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Có một con chung là Trịnh Nguyễn Bảo N, sinh ngày 21/3/2020, hiện hai con đang sống chung với chị K, chị K yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị K trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị K trình bày không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Trịnh Văn Minh T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, anh T không gửi văn bản trình bày ý kiến về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mộng K, cụ thể: Chị Nguyễn Thị Mộng K được ly hôn với anh Trịnh Văn Minh T. Về con chung: Chị K được quyền trực tiếp nuôi con chung là Trịnh Nguyễn Bảo N, sinh ngày 21/3/2020, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mộng K đối với anh Trịnh Văn Minh T thì vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Anh Trịnh Văn Minh T có nơi cư trú tại xã D, huyện N, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Chị Nguyễn Thị Mộng K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Trịnh Văn Minh T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nên Tòa án không tiến

hành hòa giải được và xét xử vắng mặt chị K và anh T theo quy định tại các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mộng K và anh Trịnh Văn Minh T tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[2.2] Chị K cho rằng hôn nhân giữa chị và anh T không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh T. Theo chị K trình bày thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không thể hàn gắn tình cảm được. Quá trình Tòa án giải quyết thì anh T không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về hôn nhân giữa chị K và anh T và cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh T đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K đối với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Có một con chung là Trịnh Nguyễn Bảo N, sinh ngày 21/3/2020, sống chung với chị K từ khi chị K và anh T sống ly thân cho đến nay. Anh T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về việc nuôi con. Chị K cũng đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng con chung, cháu Bảo N cũng đã thích nghi với môi trường sống và với việc chăm sóc, giáo dục của chị K. Do đó, để đảm bảo sự phát triển của cháu Trịnh Nguyễn Bảo N cả về thể chất lẫn tinh thần, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị K, giao con chung là Trịnh Nguyễn Bảo N cho chị K trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị K không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị K trình bày không có tài sản và không có nợ chung; anh T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của anh T về việc yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị K là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mộng K, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mộng K được ly hôn với anh Trịnh Văn Minh T.

2. Về con chung:

Giao con chung là Trịnh Nguyễn Bảo N, sinh ngày 21/3/2020 cho chị Nguyễn Thị Mộng K trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Mộng K không yêu cầu anh Trịnh Văn Minh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, chị Nguyễn Thị Mộng K, anh Trịnh Văn Minh T hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị Nguyễn Thị Mộng K, anh Trịnh Văn Minh T có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Mộng K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0006650 ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự [2b] ;
- TAND tỉnh Bến Tre [1b] ;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam [1b];
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam [1b];
- UBND xã Thành Triệu, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre [1b]
- Lưu HS, VP [3b] TC:9b .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Trang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**